



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 04/09/2025 (Thursday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
1	16:30	20:00	↗
3.1	00:54	04:00	↘
2.8	06:07	06:00	↗
2.9	09:32	09:45	↘
0.8	17:34	21:00	↗
3.2	01:16	04:30	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Tuấn	EVER OWN	10.5	195	27,025	P/s3 - CL4-5	06:30		A1-A5
2	P.Cần	ASL QINGDAO	10.4	172	18,724	P/s3 - BP7	01:00		A1-A2
3	N.Thanh	KMTC GWANGYANG	9.7	173	17,933	P/s3 - NB18	01:00		A5-A6
4	Kiên	INDURO	9.9	172	19,035	P/s3 - CL3	09:30	// 07.30	A2-A3
5	M.Tùng	HANSA FRESBURG	10.3	176	18,296	P/s3 - CL1	01:00	//04.00	A1-A6
6	K.Toàn - Duy	ABRAO COCHIN	9.7	199	18,872	P/s3 - BP7	08:00	Thả neo, tăng cường dây	A2-A5
7	Đào - H.Thanh	KMTC TOKYO	7.4	173	17,853	H25 - TCHP	09:00	// 11.30, SR	A3-12
8	N.Chiến - Tín	CATLAI EXPRESS	9.4	172	18,848	P/s3 - BNPH	10:00	// 12.00	A5-A6
9	Đ.Minh	POS HOCHIMINH	8.3	173	18,085	P/s3 - CL5	18:00	// 18.30	A1-A3
10	Quang	MAERSK NORBERG	8.8	172	25,514	P/s3 - CL7	17:00	// 19.00	A2-A3
11	Son - Anh	JEJU ISLAND	9.5	222	27,786	P/s3 - CL4-5	23:00	// 02.00Cano DL	A1-A6
12	Diệu	HOLLY	2.5	57	399	P/s1 - CL2	16:00	ĐX	08

No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Son - A.Tuấn	ONE SPRINTER	14	336	139,588	CM3 - P/s3	02:00	MT; VTX	MR-KS-AWA
2	P.Thùy	INTERASIA MOTIVATION	8.9	200	26,681	P/s3 - CM3	05:00	MP	MR-KS
3	Đức	VIRA BHUM	10	195	24,955	CM4 - P/s3	02:00	MT	A9-A10
4	P.Tuấn - M.Tùng	WAN HAI A15	13.5	335	122,045	CM2 - P/s3	09:30	MP	MR-KS-AWA
5	Chương	INTERASIA MOTIVATION	8.9	200	26,681	CM3 - P/s3	17:00	MP	MR-KS
6	Đ.Chiến - T.Hiến	COSCO SHIPPING DENALI	11	366	154,300	P/s3 - CM4	15:00	Y/c MP; VTX	A9-A10-ST1

7	Duyệt - Khái	YM TRANQUILITY	11.5	334	118,524	P/s3 - CM3	17:00	Y/c MT	MR-KS-AWA
8	P.Thùy - P.Tuấn	YM MILESTONE	11.6	306	76,787	P/s3 - CM2	18:00	Y/c MT	MR-KS
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Hà	MILD SYMPHONY	8.5	148	9,929	TCHP - H25	01:00	SR	01-12
2	Phú	UNI PREMIER	8	182	17,887	CL7 - P/s3	04:30		A1-A3
3	Vinh	YM HORIZON	8.4	169	15,167	CL4-5 - P/s3	10:00		A2-08
4	Hoàn	CUL HUANGPU	5.8	144	8,306	BNPH - H25	07:00	SR	A3-08
5	V.Hải	SITC RENDE	8.8	172	18,848	CL3 - P/s3	13:00		A1-SG98
6	V.Hoàng	TIDE SAILOR	9	182	17,887	CL1 - P/s3	13:00		A5-A6
7	Uy - M.Cường	ASL QINGDAO	8.5	172	18,724	CL1 - P/s3	04:00		A2-A5
8	N.Minh	EVER OWN	8.5	195	27,025	CL4-5 - P/s3	02:00		A5-A6
9	V.Tùng	DING XIANG TAI PING	8.9	185	23,779	CL5 - P/s3	21:30		A1-A6
10	P.Hung - N.Hiến	TB KAIYUAN	8.6	208	25,713	CL4 - P/s3	02:00		A1-A2
11	V.Dũng	KMTC GWANGYANG	8.2	173	17,933	CL7 - P/s3	19:30		A5-A6
12	Đ.Chiến - N.Trường	DONGJIN VOYAGER	8.9	173	18,559	CL1 - P/s3	01:00		A1-A2
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	N.Cường	ABRAO COCHIN	9.7	199	18,872	BP7 - CL4	02:30	Cano DL	A2-A5
2	N.Thanh	KMTC GWANGYANG	9.7	173	17,933	NB18 - CL7	06:00	Chờ cầu	A5-A6
3	P.Cần	ASL QINGDAO	10.4	172	18,724	BP7 - BNPH	07:30	Chờ cầu	A1-A2
4	N.Thanh - Chính	ASL QINGDAO	10.4	172	18,724	BNPH - CL1	13:30	, Shifting, ĐX	A1-08